

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HNGĐ - ST
Ngày 14 - 3 - 2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

Ông **Nguyễn Tấn Lộc**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 634/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị M** – sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh **Phan Văn Ng** – sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị **Trần Thị M** trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2012, chị và anh Ng tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 254/2012. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng những năm gần đây vợ chồng chị thường hay bất hòa và xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Vì vậy, vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Chị xét thấy, hôn nhân giữa chị và anh Ng không có hạnh phúc, đời sống hôn nhân không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh Ng.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Phan Nhã K, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Phan Hạo Th, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2018. Hiện nay

cháu K do anh Ng đang trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Th do chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu giao cháu K cho anh Ng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Th cho chị được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị và anh Ng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị M trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị Trần Thị M trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Phan Văn Ng đã được Toà án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án theo giấy triệu tập và cũng không gửi cho Toà án văn bản ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị M nộp đơn khởi kiện về việc tranh chấp xin ly hôn với anh Phan Văn Ng. Khi khởi kiện, anh Ng cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Phan Văn Ng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Ng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị M và anh Ng tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 254/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua trình bày của chị M về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị M và anh Ng, chị M yêu cầu được ly hôn với anh Ng. Anh Ng đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M. Xét thấy, hôn nhân bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hôn nhân giữa chị M và anh Ng mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay, đã không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị M yêu cầu được ly hôn với anh Ng là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị M và anh Ng có hai người con chung tên Phan Nhã K, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Phan Hạo Th, sinh ngày 20 tháng 8

năm 2018. Hiện nay, cháu K do anh Ng đang trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Th sống cùng với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu giao cháu K cho anh Ng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Th cho chị được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Ng không có ý kiến gì về yêu cầu của chị M và hiện tại cháu K đang được anh Ng nuôi dưỡng, cháu Th đang được chị M nuôi dưỡng. Hơn nữa, tại biên bản làm việc của Tòa án thì cháu K có nguyện vọng sống với anh Ng. Đồng thời, để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, học hành, chăm sóc, nuôi dạy cháu Th và cháu Th cũng còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu giao cháu K cho anh Ng nuôi dưỡng và yêu cầu được nuôi con chung là cháu Th của chị M là chính đáng và phù hợp nên được chấp nhận. Giao cháu Phan Nhã K, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2013 cho anh Ng tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Phan Hạo Th, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2018 cho chị M tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị M và anh Ng không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị M và anh Ng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung, nợ riêng: Chị Trần Thị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị M đối với anh Phan Văn Ng. Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Phan Văn Ng.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Nhã K, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2013 cho anh Phan Văn Ng tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Phan Hạo Th, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2018 cho chị Trần Thị M tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Trần Thị M và anh Phan Văn Ng không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị M và anh Phan Văn Ng không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Chị Trần Thị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012572 ngày 20 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau. Chị Trần Thị M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thêm